

NHỮNG ĐIỀU “DÂN ƯỚC” CẦN PHÁT HUY ĐỂ GÓP PHẦN BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

PGS. TS Vương Toàn
Chương trình Thái học Việt Nam

Abstract

1. In the book titled *Tổng trấn xã bị lăm* (Villages in Vietnam) edited in the early Nguyen dynasty, Hữu Thu canton of Thoát Lãng mountainous district (currently known as Văn Lãng district, Lạng Sơn province) including Hữu Thu, Trung Sơn, Trà Nham and Tân Lang... is a place where “the Tày and the Nùng only lived alternately in the past”. As a result, over 90 percent of inhabitants in this district was the Nùng (62.8%) and the Tày (31,3%) until the year 1960. As on The upland district of Thoát Lãng (1886-1888) map, Thoát Lãng county town written in Nôm writing, belonged to Hữu Thu village, Hữu Thu canton. While researching on old documents relating this area, we found one dating on 8 January of the 5th Khai Dinh year (1919), in which the ancient customs were transcribed by the officials and inhabitants in Hữu Thu village, Hữu Thu canton, Thoát Lãng mountain district after discussing together about the civil conventions adjustment.

2. Among 65 “customs” being transcribed in this document, together with some normal rules of behavior, i.e. rules on heaven praying for clement weather, old age enlistment, birthday for old men, wedding, funeral or responsibilities of funeral associations and their members, there are some special local rules on army recruitment, on guardians and punishments to a neglecting guardian, on production destructors, on plant thieves, civil property robbers, on stolen goods secretion, local bandits connivers, gamblers or superstition executers.

There are also some other rules to reward the ones who denounce correctly or capture robber, thief or tiger.

Remarkably, some rules on public dispenses or on punishments for human trafficking, private revenge, house/ forest burning or forest destruction existed.

These costumes affected evidently the local inhabitants' behaviors during their consecutive days in war and rebels ravage. Due to hard lives in and after war, villagers might let some conventions pass unnoticed or even forgot them which once were self-imposed by all inhabitants.

3. In general, these “civil conventions” were very important to mountainous people's lives in the past. Some are even still useful to our lives nowadays. Moreover, many rules are really valuable not only in this region but also in other mountain areas because they contribute to create a new cultural living style and to build new mountainous people who have living styles more suitable to a full of changes society. In other words, if we study carefully this document and know how to inherit the “village's customs”, perhaps we would find out that many are not contrary to the “king's rules”

and the preservation and promotion of these conventions will make a great contribution to our national sustainable development.

1. Sách *Tổng trấn xã bị lăm* (Làng xã Việt Nam) soạn đầu triều Nguyễn cho thấy tên làng xã ở tổng Hữu Thu, châu Thoát Lãng gồm: Hữu Thu, Trung Sơn, Trà Nham và Tân Lang... là nơi “trước đây chỉ có người Tày và người Nùng sống xen kẽ với nhau”. Bởi thế, cho đến năm 1960, hơn 90% dân cư huyện Thoát Lãng (nay là Văn Lãng, Lạng Sơn) là người Nùng (62.8%) và Tày (31,3%)¹. Trên *Bản đồ châu Thoát Lãng thời Đồng Khánh* (1886-1888) có chú tiếng Pháp: *District mantagneuse de Thoát Lãng* và tiếng Anh: *The upland district of Thoát Lãng* có ghi bằng chữ Nôm *Châu lỵ Thoát Lãng*, vốn thuộc xã Hữu Thu, tổng Hữu Thu... Theo sách *Địa danh và tài liệu lưu trữ về làng xã Bắc Kỳ* (Vũ Thị Minh Hương, Nguyễn Văn Nguyên, Philippe Papin. H., Nxb Văn hóa thông tin, 1999, tr. 575-576), xã Hữu Thu ở tổng Hữu Thu, châu Thoát Lãng xưa bao gồm 35 làng sau (có tên chữ Hán kèm sau chữ quốc ngữ): Nà Chà, Nà Lùng, Nà Cườm, Nà Deng, Đông Sấn, Chong Thông, Pò Mồ, Khun Pinh, Nà Áng, Nà Mạt, Pác Làng, Pá Thang, Nà Phai, Cốc Phục, Khâm Thẩn, Tênh Đồn, Nà Chà, Khòn Lệnh, Nà Quan, Bản Lè, Đồng Lâm, Pác Đón, Pàn Sa, Còn Cẩu, Pò Lọc, Lùng Tong, Khun Cháo, Phá Lạn, Thà Phạc, Phiêng Khoang, Cốc Dầm, Nà Khong, Nậm Tèo, Nà Nong, Bản Ó (thuộc loại xã gồm nhiều làng nhất ở tổng và châu này).

Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện còn lưu giữ một văn bản chữ Nôm² ghi lại các điều lệ được phụng sao ngày 8 tháng giêng năm Khải Định thứ 5 (1919) do các chức dịch và mọi người ở xã Hữu Thu, tổng Hữu Thu, châu Thoát Lãng (xưa) cùng hội họp sửa đổi lập dân ước... bởi trước đó đã có điều lệ nhưng có điều quá phiền hà, có điều lại chưa đủ.

Vậy là đã từ rất lâu, cộng đồng dân cư – chủ yếu là hai dân tộc Tày và Nùng - ở nơi đây đã biết sống và cư xử với nhau trong theo “lệ làng phép nước”, và rồi để phù hợp với tình hình đương thời - cách đây gần một thế kỷ, dân vùng này cũng đã “hội họp chiêm chúc cái cổ, tham khảo ngày nay, bàn định thoả đáng định ra các điều lệ..., để lại mãi mãi cho con cháu có kiểu mẫu tuân theo”.

¹ Văn Lãng huyện biên giới Lạng Sơn. H., Nxb KHXH 1990, tr. 38 và 83.

² Chúng tôi căn cứ vào bản dịch ra tiếng Việt của Hoàng Giáp. Những chỗ in nghiêng trong bài viết này đều do tác giả bài viết này muốn nhấn mạnh (VT).

Những điều ước lệ này chắc hẳn rất cần cho cuộc sống đương thời, nhưng ta cũng có thể nhận thấy rằng không ít điều không phải chỉ có giá trị một thời. Nói cách khác, nếu xem xét kỹ và biết kế thừa, thiết nghĩ rằng có những “lệ làng” không hề trái ngược với “phép vua”, rất cần được bảo tồn vì chúng có thể góp phần phát triển bền vững cho những vùng miền lắm rừng nhiều núi trên đất nước của chúng ta.

2. Trong số 65 “lệ” được ghi lại ở văn bản này, bên cạnh những lệ thường gặp như: lệ cầu thời tiết thuận hoà, lệ dâng thọ, lệ lên lão, lệ kết hôn, lệ đám hiếu, lệ về trách nhiệm của hội hiếu và hội viên, còn có nhiều lệ rất đáng chú ý do có nội dung thưởng phạt rất nghiêm minh, nhưng cũng rất đòi thường, nghĩa là có thể thi hành một cách dễ dàng bởi chúng rất cụ thể và qui trách nhiệm cho những người phải thực thi một cách rõ ràng – tránh dây dưa, đùn đẩy việc chung.

2.1. An ninh trong một cộng đồng cần được bảo vệ và được xác định là trách nhiệm không thể thoái thác của mọi người dân, đặc biệt là của quân đội và dân phòng... Và khi thực hiện xong và hoàn thành tốt nghĩa vụ này thì sẽ có vị thế xứng đáng ở làng xã. Vì thế đã có lệ tuyển quân, lệ canh phòng và phạt người bỏ canh phòng, với những qui định cụ thể:

“Phàm trong xã có người đi lính thì mỗi khoá hạn 3 năm... Nếu chưa mãn khoá mà đào ngũ, hoặc vẫn tại ngũ mà phạm sai lầm gì làm liên lụy đến dân xã, *phí tổn mất bao nhiêu đều do người ấy gánh chịu* bản xã không chịu trách nhiệm gì. Đến khi mãn khoá trở về làm dân đinh mà không sai phạm điều gì thì cho phép ... nạp lệ khao toàn dân... Vị thứ của họ ở sau Kỳ lý. Nếu tái khoá hoặc có quân công được thưởng phẩm hàm thì vị thứ xếp theo phẩm hàm” (Lệ tuyển quân).

Hoặc “Trong xã chia ra hai phe Đông và Tây... Nếu phe nào có trộm cướp hay xảy ra việc gì thì Trưởng điểm đánh 5 hồi trống để làm hiệu. Phe trưởng phe kia chiếu suất đinh từ 18 tuổi trở lên ... chia ra một nửa ở lại giữ điểm, còn một nửa đi vây bắt ứng cứu. Phe nào đã *nghe tiếng trống mà không đi ứng cứu* thì Kỳ Lý bắt phạt phe ấy nộp 3 đồng bạc, 50 cân thịt lợn, 50 cân gạo trắng, 30 cân rượu, trà, muối đầy đủ, mọi người dân cùng đến ăn uống một bữa. *Số tiền phạt sung vào công quỹ để chi vào việc công*” (Lệ canh phòng).

Không chỉ trông chờ vào sự tự giác, người nào trốn tránh, thoái thác hay từ bỏ nhiệm vụ đều bị xử lý ngay và hết sức cụ thể. Lệ phạt người bỏ canh phòng qui định rõ: “Trong xã có xóm nào bị trộm cướp hay xảy ra việc gì thì các Xóm trưởng

chiếu đình tráng trong xóm để điểm danh. Trong lúc đó ai vắng mặt thì Xóm trưởng trình Kỳ, Lý *phạt kẻ vắng mặt* một đồng bạc. Tiền ấy để xóm sung vào công quỹ. Đồng thời còn phạt kẻ đó 30 cân thịt lợn, 20 cân gạo trắng, 15 cân rượu, trà, muối đầy đủ để xóm đó cùng ăn một bữa. Nếu kẻ đó *ương bướng* không chịu thì Xóm trưởng khai trình Kỳ, Lý giải trình quan châu trị tội”.

Việc tuần tra thời ấy được giao cho “dũng phu”, được hưởng lợi ích nhất định và cũng có trách nhiệm rõ ràng. Cụ thể như sau: “Trong xã người nào dũng cảm khoẻ mạnh bầu chọn 12 người làm Dũng phu... Số súng đạn cung cấp giao cho người đó giữ để tiện tuần phòng. Nếu giữ gìn *không cẩn thận để thất thoát súng đạn* thì số thất thoát trị giá bao nhiêu tiền người đó phải *có trách nhiệm bồi hoàn cho đủ đồng* thời phải trình lên quan trên trị tội nặng... Nếu cả năm trong xã không có phe nào bị trộm cắp mất mát thứ gì thì cuối năm được thu mỗi nhà giàu thu 3 hào, nhà trung bình thu 2 hào, nhà nghèo thu 1 hào... Số tiền, gạo thu được bao nhiêu chia đều cho Dũng phu làm khẩu phần ăn. Nếu canh phòng *không cẩn thận* để trong xã có phe nào *bị trộm cắp, bị đào tường khoét ngạch bị mất mát* thứ gì Phó lý, Xã đoàn, Dũng phu *phải bồi thường cho đủ*” (Lệ bầu Dũng phu).

Dương nhiên. công việc chung còn đòi hỏi phải có sự tham gia rộng lớn hơn. nghĩa là của tất cả những ai có đủ sức khoẻ; chính sách miễn trừ rõ ràng, vắng mặt thì bị phạt. Cụ thể là: “Việc phu dịch trong xã hay việc công ... chiếu trong sổ sách trừ những người được miễn ra, những người kể từ 50 tuổi trở xuống... Người nào *đến lượt mình mà thiếu vắng* thì mỗi ngày *phạt 3 hào sung vào công quỹ*” (Lệ dân công).

Để răn dạy người đời rút ra bài học đích thực, không phạm phải những việc làm phương hại đến cộng đồng. đã có những điều lệ phạt kẻ phá hoại sản xuất, phạt kẻ ăn trộm hoa màu, phạt kẻ trộm cướp tài sản công dân, thậm chí là phạt tàng trữ của trộm cướp.

2.2. Không cho phép cách hành xử “lợi mình, hại người”, lệ phạt kẻ phá hoại sản xuất qui định: “Trong xã có người nào *chăn trâu bò, dê ngựa, gà vịt, ngan ngỗng để phá hoại lúa mạ, đậu đỗ, hoa quả, hoa màu* ngoài đồng nếu bắt được quả tang hay ai cáo giác thì ... bắt tên đó đến trụ sở phạt 5 hào, 12 cân thịt lợn, 12 cân gạo trắng, 8 cân rượu, trà muối đầy đủ. Toàn dân cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung

vào công quỹ. Còn việc tổn hại bao nhiêu theo kê khai của điền chủ mà *phải bồi hoàn cho đủ*". .

Lệ phạt kẻ ăn trộm hoa màu – kẻ cách khi chúng ngoan cố - qui định: “Trong xã kẻ nào dám *ăn trộm lúa mạ, hoa màu, đậu đỗ, hoa quả* ở ngoài đồng nếu bắt được quả tang hay có người nào cáo giác thì Tiên, Thứ chỉ, Kỳ, Lý hội họp ngay, bắt tên đó đến trụ sở phạt 3 đồng bạc, 20 cân thịt lợn, 20 cân gạo trắng, 15 cân rượu, trà, muối đầy đủ. Toàn dân cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Số mất mát là bao nhiêu theo điền chủ kê khai kẻ đó *phải bồi thường đầy đủ*. Nếu tên đó *ngoan cố không chấp thuận* thì giải trình lên quan châu trị tội”.

Lệ phạt kẻ trộm cướp tài sản công dân qui định cả cách xử lý tang vật, kẻ cả khi vắng chủ: “Trong xã có kẻ nào to gan dám vào nhà dân *ăn cướp đồ vật, gia súc như: trâu, bò, dê, ngựa...* Gia chủ, Dũng phu hay người trong xã bắt được quả tang hoặc có người nào phát giác, khám thấy đồ vật thì giải ngay tên ấy đến điểm, họp Tiên, Thứ chỉ, Kỳ, Lý phạt 20 đồng, 60 cân thịt lợn, 60 cân gạo, 40 cân rượu, 1 cân muối trắng, 2 cân trà hương. Toàn dân hội họp cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Còn đồ vật ăn trộm cho phép người bị mất đến nhận. Người đến nhận *viết giấy tờ làm bằng cứ mới được nhận*. Còn nếu *không có ai nhận sẽ sung vào công quỹ*. Tên trộm sẽ bị Kỳ, Lý giải trình quan châu trị tội.

Oa trừ của phí pháp cũng bị xử lý phạt nghiêm ngay tức khắc, chứ không phải chỉ giáo dục đạo đức đơn thuần và chúng chung. Lệ phạt tàng trữ của trộm cướp qui định: “Trong xã nhà nào dám *tàng trữ đồ vật ăn trộm như: trâu, bò, gia súc...* Nếu ai cáo giác thì lập tức ... bắt giải đến điểm phạt chủ chứa 6 đồng bạc, 40 cân thịt lợn, 40 cân gạo, 30 cân rượu, trà, muối đầy đủ toàn dân hội họp cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Các đồ vật cho người nhận. Người nào nhận phải viết văn tự làm bằng cứ, nếu không có người nhận thì sung vào công quỹ. *Chủ chứa* giao Kỳ, Lý giải trình quan châu trị tội.

Để giữ cho bản làng bình yên, còn phải nghiêm trị những kẻ đồng lõa hoặc che giấu tội phạm; cũng bởi thế, còn có lệ phạt kẻ dung túng thổ phỉ, Lệ phạt kẻ dung túng thổ phỉ qui định: “Trong xã nhà nào dám chứa chấp đảng phỉ trong nhà, có ai phát giác thì ... đem Dũng phu vây bắt, giải đến điểm phạt chủ chứa 10 đồng bạc, 50 cân thịt lợn, 50 cân gạo trắng, 30 cân rượu, trà, muối đầy đủ, toàn dân cùng

ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Tên *đảng phi ấy và chủ chứa đều bị* Kỳ, Lý giải trình lên quan châu trị tội”.

2. 3. Để chống các tệ nạn xã hội, có lệ phạt kẻ đánh bạc, phạt kẻ làm nghề mê tín, và cũng đã có lệ phạt kẻ buôn bán người, ...

Lệ phạt kẻ đánh bạc qui định cách xử lý ngay cho từng trường hợp cụ thể, tùy tội nặng hay nhẹ, quy mô lớn hay nhỏ, phạm phải lần đầu hay tái phạm nhiều lần: “Trong xã nhà nào dám mở sòng bạc nếu bắt được quả tang hay có người phát giác thì *lập tức ... bắt đến điểm, chiếu xét sòng bạc lớn nhỏ mà phạt*. Sòng bạc lớn phạt chủ chứa 3 đồng bạc, 60 cân thịt lợn, 60 cân gạo trắng, 40 cân rượu, 1 cân muối trắng, 1 cân trà. Bọn cùng sòng bạc phạt mỗi tên 1 đồng 5 hào, 30 cân thịt lợn, 30 cân gạo trắng, 20 cân rượu, trà, muối đầy đủ. Sòng bạc nhỏ phạt chủ chứa 1 đồng, 30 cân thịt lợn, 30 cân gạo trắng, 20 cân rượu, trà muối đầy đủ. Những tên cùng sòng bạc phạt mỗi tên 5 hào, 15 cân thịt lợn, 15 cân gạo trắng, 10 cân rượu, trà, muối đầy đủ. Toàn dân cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Còn kẻ nào *ngoan có tái phạm thì* chiếu theo lệ mà phạt gấp đôi. Nếu phạm lần thứ 3 thì giao cho Kỳ, Lý giải trình lên quan châu trị tội”.

Lệ phạt kẻ buôn bán người không chỉ qui định cách trừng trị tội phạm mà còn xác định rõ cả trách nhiệm bồi hoàn cho nạn nhân: “Trong xã có kẻ nào dám dụ dỗ lừa gạt vợ và con gái người khác mang đi nơi khác bán, nếu bị bắt quả tang hay có ai cáo giác đích thực thì lập tức hội họp Kỳ, Lý bắt đến trụ sở của xóm phạt 10 đồng bạc, 50 cân thịt lợn, 50 cân gạo trắng, 40 cân rượu, 1 cân muối, 2 cân trà hương. Toàn dân hội họp cùng ăn một bữa. Việc bồi thường cho vợ con người bị dụ dỗ bao nhiêu thì phải do *thủ phạm bồi hoàn đầy đủ*. Còn tên buôn người sẽ giải lên quan châu trị tội”..

Ngay từ xa xưa, tự do tín ngưỡng cũng đã được phân biệt với mê tín dị đoan. Lệ phạt kẻ làm nghề mê tín qui định cách xử lý những kẻ chuyên lợi dụng đức tin, buôn thần bán thánh, lừa gạt dân lành trong làng xã: “ Trong xã có ai làm nghề Tả đạo (Mê tín) dùng phù phép, bùa được lừa gạt lấy tiền của người khác, nếu bắt được quả tang hoặc có ai cáo giác thì bắt ngay đến trụ sở của xóm, ... phạt tên đó 10 đồng, 50 cân thịt lợn, 50 cân gạo trắng, 40 cân rượu, 1 cân muối, 1 cân trà Toàn dân hội họp cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Còn số tài sản *bị tên kia lừa*

gạt là bao nhiêu thì dựa vào kê khai của gia chủ để bắt *hắn bồi thường đầy đủ*. Còn tên phạm sẽ giải lên quan châu trị tội”.

2. 4. Đáng chú ý thêm nữa là tính cộng đồng được thể hiện rõ trong lệ phạt trả thù riêng, phạt kẻ làm cháy nhà, bảo vệ rừng.

Lệ phạt trả thù riêng qui định cả việc phải bồi thường: “Trong xã có kẻ nào *hắn thù nhau, âm mưu giết người, đốt nhà, đầu độc...* Nếu bắt được quả tang hay có người phát giác thì lập tức hội họp Tiên, Thứ chỉ, Kỳ, Lý giải chúng đến trụ sở của xóm phạt 15 đồng bạc, 60 cân thịt lợn, 60 cân gạo trắng, 40 cân rượu, 1 cân muối, 2 cân trà hương, toàn dân cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Nếu giết người thì phải bồi thường tính mệnh 100 đồng cho gia chủ. Nếu đốt nhà thì số thiệt hại là bao nhiêu cứ theo đầu tên mà *bồi thường cho đủ*. Còn tên phạm giải trình lên quan châu trị tội”.

Lệ phạt kẻ làm cháy nhà còn qui định thêm cách xử lý đối với những kẻ ngang bướng, dù chỉ là do bất cẩn chứ không phải là cố ý: “Trong xã nhà nào *không cẩn thận để xảy ra hoả hoạn làm cháy nhà, thiệt hại đến lân bang hàng xóm* thì... bắt ngay người đó đến trụ sở của xóm bắt phạt 6 đồng tiền, 40 cân thịt lợn, 40 cân gạo trắng, 30 cân rượu, trà, muối đầy đủ, toàn dân cùng ăn một bữa. Số thiệt hại gây cho hàng xóm bao nhiêu tên đó phải bồi thường đủ số. Nếu tên đó *ngang bướng không chịu* thì Lý dịch giải trình lên quan châu trị tội”.

Để bảo vệ môi trường mà ở vùng đồi núi này thì rừng là nguồn sống mà mọi người dân phải cùng nhau bảo vệ. Vì thế có lệ phạt kẻ làm cháy rừng, phạt kẻ chặt phá rừng,...

Lệ phạt kẻ làm cháy rừng qui định: “Trong xã có kẻ nào dám *thieu huỷ rừng* thuộc bản xã làm tổn hại đến cây cối, nếu bắt được quả tang hay ai phát giác thì ... họp bắt ngay tên đó đến trụ sở phạt 5 hào, 20 cân thịt lợn, 20 cân gạo trắng, 15 cân rượu, trà, muối đầy đủ. Toàn dân cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ”.

Lệ phạt kẻ chặt phá rừng thì qui định cách xử lý lâm tặc theo số lượng, chất lượng gỗ quý: “Trong xã có người nào vào rừng chặt *gỗ lim kể từ 3 tác trở lên* mà ai bắt được thừa ... thì bắt tên đó đến trụ sở phạt 5 hào, 20 cân thịt lợn, 20 cân gạo trắng, 15 cân rượu, trà, muối đầy đủ. Toàn dân cùng ăn một bữa. Số tiền phạt sung vào công quỹ. Nếu ai chặt cây *lim từ 6 tác trở lên* chiếu lệ phạt gấp đôi”.

2. 5. Bên cạnh các lệ phạt những hành vi xâm hại đến lợi ích riêng của công dân hay cả cộng đồng, để đánh giá đúng công lao và bù đắp phần nào tổn hại về vật chất và tinh thần mà người ta có thể đã phải hy sinh trong khi làm nhiệm vụ bảo vệ cộng đồng, gìn giữ an ninh trật tự chung, có các lệ thưởng người cáo giác, thưởng cho người bắt được cướp, thưởng cho người bắt được trộm, thưởng cho người bắt được hổ,...

Khuyến khích việc tố giác, có lệ qui định: “Trong xã kẻ nào làm việc phi pháp, có người nào phát giác hay bắt được quả tang thì xét mức độ phạt tiền. Số tiền phạt chia làm 10 phần, *người phát giác được 3 phần*, 7 phần giao cho Tư hoá nhận ghi chép và giữ làm công quỹ” (Lệ thưởng người cáo giác).

Trộm cướp dễ xảy ra ở nơi đất rộng người thưa, rừng núi điệp trùng. Lệ thưởng cho người bắt được trộm định rõ: “Trong xã người nào giỏi giang bắt được một tên trộm thì *toàn dân trích thưởng* cho 2 đồng. Nếu bắt được tang vật trị giá là bao nhiêu tiền thì người đó sẽ *được thưởng 3 phần*, còn 7 phần trả lại cho người bị mất”.

Lệ thưởng cho người bắt được cướp còn qui định rõ những quyền lợi mà thân nhân được hưởng, nếu không may sa sẩy trong khi làm nhiệm vụ chung. Cụ thể là: “... có ai trong xã dũng cảm *bắt sống được trộm đang cướp* thì toàn dân trích tiền công 20 đồng để thưởng cho người ấy. Nếu *bắt được một tên cướp* thì toàn dân trích tiền công là 10 đồng để thưởng cho người đó. Còn ai dám đánh nhau với bọn trộm cướp mà *bị thương nhẹ* thì toàn dân cấp cho ba đồng để chạy chữa, nếu nặng thì cấp cho 6 đồng để chạy chữa. Nếu *chẳng may bị chết* toàn dân cấp cho khoản tiền tuất là 15 đồng, cho con trai hoặc cháu trai được một suất nhiều nam, trừ mọi khoản phu dịch cả năm”.

Miền rừng núi lại hay bị thú dữ về quấy phá. Lệ thưởng cho người bắt được hổ ghi rõ: “Trong xã có người nào dũng cảm mưu trí *bắt được hổ* thì toàn dân sẽ định mức thưởng cho người ấy. Nếu là hổ đực sẽ thưởng 10 đồng, hổ cái thưởng 20 đồng. Nếu bắt được báo thưởng cho 6 đồng. Hổ, báo bắt được giao cho chính người ấy đem nộp cho quan tỉnh. Nếu được thưởng bao nhiêu người ấy sẽ *được nhận toàn bộ*. Mọi người không can dự vào đó”.

2. 6. Thực hiện chính sách đãi ngộ, hưởng lợi từ sự đóng góp của dân chúng, bộ máy chính quyền địa phương cấp xã thời ấy cũng đã được quy định bổng lộc hết

sức rõ ràng, kể cả cách xử lý đối với những người không hoàn thành nhiệm vụ trước dân: “Khẩu phần lương thực cả năm của chức dịch trong xã thì cho phép thu bổ vào kỳ sưu thuế hàng năm. Lý trưởng cả năm được 12 đồng bạc. Phó lý và Tổng Xã đoàn cả năm được 10 đồng. Kỳ mục cả năm được 6 đồng, Thủ bạ Thư ký, Tư hoá cả năm được 3 đồng để chi tiền giấy bút cho cả năm. Nếu *ai có phạm vào khoản gì thì không được nhận* khẩu phần lương thực và cũng *không được miễn trừ* phu dịch (Lệ thù lao cho chức dịch trong xã).

Và cũng có lệ quy định rõ các chức dịch phải minh bạch về các nguồn thu từ dân: “Hàng năm đến kỳ sưu thuế, hay thu các khoản tiền như châu giáo, tổng giáo thì Lý trưởng phải hội họp tường trình với Tiên, Thứ chỉ, Kỳ mục trước cùng với nội ngoại dân đình hội họp tại đình ... mỗi suất thu bao nhiêu thì Lý trưởng biên vào giấy biên lai *rõ ràng minh bạch không được lèm nhèm* để tránh kiện tụng” (Lệ thu thuế).

Thêm nữa là không phải cứ có chút chức quyền thì dù là ở nơi rừng xanh núi đỏ, dân trí còn thấp thì cũng không được tự ý chi tiêu tùy tiện: “Kỳ lý trong xã nếu có việc quan hay việc công mà phải đi công cán, trước tiên phải tường trình với Tiên, Thứ chỉ biết chiếu cấp lộ phí lấy từ tiền công, mỗi người 2 hào 1 ngày *không được nhân việc đó mà lạm chi*” (Lệ chi tiêu việc công).

3. Cũng với những thăng trầm của lịch sử, những tục lệ trên hẳn đã ngấm chi phối cuộc sống của người dân nơi đây suốt những năm tháng chiến tranh liên miên, giặc giã tàn phá,... Khi cư dân xáo trộn, cuộc sống đòi hỏi “vui duyên mới không quên nhiệm vụ” thì cũng nhiều quy ước “bất thành văn” được chia sẻ, cùng thực hiện. Do cuộc sống chật vật trong và sau thời chiến, người ta có thể bỏ qua hoặc châm chước... thậm chí đã quên đi những điều lệ đã từng được cả cộng đồng dân cư xã Hữu Thu đã định ước cùng nhau thực hiện.

4. Khi có dịp nhìn nhận lại văn bản này để viết một cuốn sách về địa phương, chúng tôi nhận thấy quả thực là không ít điều đến nay vẫn rất có giá trị, không chỉ cho nơi đây mà rộng hơn, bởi chúng thực sự có thể góp phần xây dựng nếp sống văn hóa mới hay đúng hơn là xây dựng con người miền núi có nếp sống phù hợp với xã hội mới đầy biến động. Đáng lưu ý thêm nữa là yếu tố con người đóng một vai trò không nhỏ trong quá trình xây dựng xã hội mới công bằng và dân chủ. Muốn có được những nhà quản lý như mong muốn thì cần phải tạo cho được

nếp nghĩ rằng phục vụ trong guồng máy nhà nước – từ cấp địa phương thấp nhất như xã phường - không phải là một cơ hội để dễ dàng kiếm chác.